

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bán án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2018

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga

2. Ông Mai Văn Bé Em

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2018, về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Đức T**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14/14 đường C, khu phố 3, phường V, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Lê Phương Th**, sinh năm 1954 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14/14 đường C, khu phố 3, phường V, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại phiên hòa giải và bản tự khai nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày: Ông T và bà Thtự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân chung sống như vợ chồng vào năm 1991, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống riêng bên vợ tại Số 14/14 đường đường C, khu phố 3, phường V, Tp G, Kiên Giang.

Lý do yêu cầu ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do tính tình hai bên không phù

hợp, thường xuyên cãi nhau gây mất hạnh phúc, nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2007 cho đến nay. Thấy rằng đời sống chung không thể hòa hợp nên ông T yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà Th và ông là vợ chồng.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Lê P, sinh ngày 03/9/1993, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Phương Th vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà Th có trình bày:** Thống nhất theo lời trình bày của ông T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay ông T yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông là vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Lê Phương, sinh ngày 03/9/1993, hiện đã trưởng thành đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Đức T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và bị đơn bà Lê Phương Th vắng mặt có lý do. Xét thấy bà Th đã có ý kiến tại bản tự khai và sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến phiên Tòa và nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức T và bà Lê Phương Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân chung sống như vợ chồng vào năm 1991, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Ông Trần Đức T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, tình nghĩa vợ chồng không còn hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ tháng 8/2007 cho đến nay. Do đời sống chung không phù hợp nên ông T và bà Th thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà là vợ chồng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Th đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Căn cứ Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: “c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết” trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận quan hệ ông Trần Đức T và bà Lê Phương Th là vợ chồng.

Về con chung: Ông Trần Đức T và bà Lê Phương Th thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Lê Phương, sinh ngày 03/9/1993, hiện đã trưởng thành đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Đức T và bà Lê Phương Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Trần Đức T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 00034820 ngày 20/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Lê Phương Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 147; 227; 228; 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 11; 89; 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Đức T với bà Lê Phương Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Trần Đức T với bà Lê Phương Th xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Lê P, sinh ngày 03/9/1993. Nay cháu P đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Đức T với bà Lê Phương Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Trần Đức T với bà Lê Phương Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Đức T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 00034820 ngày 20/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Lê Phương Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- UBND phường Vĩnh Lạc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Chân